

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 93/2004/TT-BTC ngày 29/9/2004 hướng dẫn một số nội dung Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg ngày 25/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:

Chương I

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG

1. Điều kiện để được thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng

- Có đề án thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt. Nội dung đề án phải chứng minh được nhu cầu về cấp bảo lãnh tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trên địa bàn, phương án tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng trong 3 năm đầu khả thi.

- Có đủ mức vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng do ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia góp vốn.

- Có danh sách dự kiến cán bộ thuộc Hội đồng quản lý, ban kiểm soát, ban điều hành là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tốt nghiệp đại học và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh tế hoặc tài chính - ngân hàng.

- Có dự thảo điều lệ phù hợp với quy định tại Điều 6 quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ bảo lãnh tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

2. Trình tự thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng

- Căn cứ vào nhu cầu về cấp bảo lãnh tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập Ban trụ bị thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng (gọi tắt là Ban trụ bị).

Ban trụ bị có thành phần là đại diện của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, đại diện của các tổ chức hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Ban trụ bị có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, lập đề án thành lập, chuẩn bị các điều kiện để được thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

Ban trụ bị tự giải thể sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng.

- Căn cứ các điều kiện để được thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng tại địa phương.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Quỹ bảo lãnh tín dụng chính thức khai trương hoạt động, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính việc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng tại địa phương mình. Kèm theo bản sao các tài liệu liên quan gồm:

+ Quyết định thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng, điều lệ Quỹ bảo lãnh tín dụng đã được phê chuẩn.

+ Đề án thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng đã được phê chuẩn.

+ Các tài liệu liên quan chứng minh có đủ các điều kiện để được thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng như: Các văn bản, quyết định tham gia góp vốn thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng của các cơ quan; Văn bằng tốt nghiệp đại học của các cán bộ làm việc chuyên trách thuộc Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Ban điều hành.

3. Điều kiện tiến hành hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng

Chậm nhất trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập, Quỹ bảo lãnh tín dụng phải khai trương hoạt động. Trước khi khai trương hoạt động tối thiểu 30 ngày, Quỹ bảo lãnh tín dụng phải đăng báo hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương ba số liên tiếp về quyết định thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng, nội dung hoạt động, phạm vi hoạt động, đối tượng khách hàng.

4. Cơ cấu tổ chức và điều hành tác nghiệp Quỹ bảo lãnh tín dụng

4.1. Căn cứ Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg, điều kiện và khả năng của từng địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

xem xét, quyết định cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành tác nghiệp Quỹ bảo lãnh tín dụng theo một trong các mô hình sau:

a) Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng có tư cách pháp nhân độc lập bao gồm Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Ban điều hành theo quy định hiện hành. Quỹ bảo lãnh tín dụng ủy thác việc điều hành tác nghiệp các hoạt động bảo lãnh tín dụng cho đơn vị nhận ủy thác là Quỹ Hỗ trợ phát triển hoặc Quỹ tài chính của địa phương. Quỹ bảo lãnh tín dụng và đơn vị nhận ủy thác phải ký hợp đồng về dịch vụ ủy thác, trong đó phải thể hiện các công việc được ủy thác; Nhiệm vụ, quyền hạn các bên; Phí ủy thác và phương thức thanh toán; Thời hạn hợp đồng; Chế độ thông tin báo cáo; Giải quyết tranh chấp, xử lý rủi ro và các điều khoản khác.

b) Không thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng có tư cách pháp nhân độc lập. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyết định giao nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa cho Quỹ tài chính của địa phương.

4.2. Các Quỹ tài chính của địa phương được thực hiện điều hành tác nghiệp Quỹ Bảo lãnh tín dụng (dưới hình thức nhận ủy thác hay được giao nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng), phải có đủ các điều kiện sau:

- Có tư cách pháp nhân và bộ máy tổ chức hoạt động độc lập.

- Trong chức năng nhiệm vụ hoạt động phải có hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng.

- Ban lãnh đạo Quỹ và cán bộ làm nhiệm vụ cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa là những người tốt nghiệp đại học và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- Tình hình tài chính của đơn vị lành mạnh, kết quả kinh doanh 2 năm liền kề có thu nhập lớn hơn chi phí.

- Trong trường hợp không thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng có tư cách pháp nhân độc lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyết định giao nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa cho Quỹ tài chính của địa phương thì mức vốn phải bổ sung tối thiểu cho Quỹ tài chính địa phương để thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng là 30 tỷ đồng (từ vốn cấp của ngân sách địa phương và vốn góp của các tổ chức).

4.3. Những nội dung cơ bản về trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ bảo lãnh tín dụng và đơn vị nhận ủy thác trong hợp đồng ủy thác:

a) Đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng.

- Xây dựng quy chế, quy trình nghiệp vụ hướng dẫn các nội dung hoạt động tác nghiệp của Quỹ bảo lãnh tín dụng chuyển cho đơn vị nhận ủy thác để làm căn cứ thực hiện.

- Cung cấp các thông tin về chính sách khách hàng được bảo lãnh tín dụng trong từng thời kỳ để đơn vị nhận ủy thác xem xét tiếp nhận hồ sơ xin cấp bảo lãnh tín dụng.

- Ủy quyền cho đơn vị nhận ủy thác thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Quỹ bảo lãnh tín dụng trong việc cấp bảo lãnh tín dụng cho khách hàng nêu tại điểm 1 Điều 21 Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg. Ủy quyền cho đơn vị nhận ủy thác ký hợp đồng cho vay bắt buộc đối với khách hàng, thu hồi nợ gốc, nợ lãi đối với khách hàng.

- Thanh toán phí dịch vụ ủy thác cho đơn vị nhận ủy thác theo hợp đồng ủy thác.

- Kiểm tra, giám sát đơn vị nhận ủy thác trong việc thực hiện theo quy chế, quy trình nghiệp vụ Quỹ bảo lãnh tín dụng.

- Chuyển đủ tiền cho đơn vị nhận ủy thác để thực hiện cam kết bảo lãnh đối với Tổ chức tín dụng.

b) Đối với đơn vị nhận ủy thác nghiệp vụ bảo lãnh tín dụng.

Các đơn vị nhận ủy thác Quỹ bảo lãnh tín dụng chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghiệp vụ về bảo lãnh tín dụng của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo đúng quy định, bao gồm:

- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ theo đúng quy chế và quy trình nghiệp vụ bảo lãnh

của Quỹ bảo lãnh tín dụng để quyết định cấp, từ chối việc bảo lãnh tín dụng cho khách hàng.

- Được thực hiện quyền và nghĩa vụ của Quỹ bảo lãnh tín dụng trong việc cấp bảo lãnh tín dụng cho khách hàng nêu tại điểm 1 Điều 21 Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg.

- Thực hiện cam kết bảo lãnh ngay sau khi nhận được tiền do Quỹ bảo lãnh tín dụng chuyển sang. Khi thực hiện cam kết bảo lãnh cho khách hàng, đơn vị nhận ủy thác yêu cầu khách hàng nhận nợ vay bắt buộc với lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay theo hợp đồng tín dụng khách hàng đã ký với tổ chức tín dụng. Đơn vị nhận ủy thác có trách nhiệm thu hồi nợ gốc, nợ lãi của các khoản cho vay bắt buộc.

- Báo cáo đầy đủ về tình hình điều hành tác nghiệp hoạt động cho Quỹ bảo lãnh tín dụng theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Quỹ bảo lãnh tín dụng. Riêng đối với những khoản cho vay bắt buộc, đơn vị nhận ủy thác có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tháng cho Quỹ bảo lãnh tín dụng về tình hình tài chính của khách nợ, tình hình thu nợ và khả năng thu nợ.

- Thực hiện các công việc khác theo thỏa thuận giữa Quỹ bảo lãnh tín dụng và đơn vị nhận ủy thác.

- Được hưởng phí dịch vụ ủy thác theo thỏa thuận với Quỹ bảo lãnh tín dụng.

4.4. Những nhiệm vụ cơ bản của Quỹ tài chính địa phương khi được giao nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng:

- Thực hiện quản lý vốn, sử dụng vốn của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo đúng quy định.

- Thực hiện bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đúng quy định tại Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Thực hiện quản lý thu nhập, chi phí, phân phối chênh lệch thu chi đối với hoạt động bảo lãnh tín dụng theo đúng quy định tại Thông tư này.

5. Hợp đồng bảo lãnh tín dụng

- Hợp đồng bảo lãnh tín dụng do cơ quan điều hành tác nghiệp Quỹ bảo lãnh tín dụng thỏa thuận và ký kết với tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh, khách hàng được bảo lãnh. Nội dung hợp đồng bảo lãnh tín dụng bao gồm các nội dung cơ bản sau:

+ Tên, địa chỉ của cơ quan điều hành tác nghiệp Quỹ bảo lãnh tín dụng, tổ chức tín dụng nhận bảo lãnh và khách hàng được bảo lãnh.

+ Mục đích, đối tượng và phạm vi bảo lãnh.

+ Tổng giá trị khoản vay của khách hàng tại tổ chức tín dụng.

+ Tổng số giá trị tài sản thế chấp, cầm cố tại tổ chức tín dụng.

+ Số tiền bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh, phí bảo lãnh và phương thức thu phí bảo lãnh.

+ Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng bảo lãnh.

+ Quy định về nhận nợ và bồi hoàn bảo lãnh.

+ Giải quyết tranh chấp phát sinh.

+ Những thỏa thuận khác.

- Hợp đồng bảo lãnh tín dụng có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ nếu các bên có liên quan thỏa thuận.

- Hợp đồng bảo lãnh tín dụng chấm dứt trong các trường hợp sau:

+ Nghĩa vụ bảo lãnh đã được cơ quan điều hành tác nghiệp Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện đầy đủ và khách hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với cơ quan điều hành tác nghiệp Quỹ bảo lãnh tín dụng.

+ Nghĩa vụ bảo lãnh chấm dứt theo quy định của pháp luật.

+ Khách hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với tổ chức tín dụng và đối với cơ quan điều hành tác nghiệp Quỹ bảo lãnh tín dụng.

+ Thời hạn của bảo lãnh tín dụng đã hết hiệu lực trong trường hợp hợp đồng bảo lãnh có quy định về thời hạn hiệu lực của bảo lãnh.

+ Tổ chức tín dụng đồng ý hủy bỏ bảo lãnh theo các quy định của pháp luật.

+ Việc bảo lãnh được thay thế bằng biện pháp bảo đảm tiền vay khác của khách hàng tại tổ chức tín dụng do các bên thỏa thuận.

Chương II

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG

I. ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THÀNH LẬP QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN ĐỘC LẬP, VIỆC ĐIỀU HÀNH TÁC NGHIỆP QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG ĐƯỢC ỦY THÁC CHO QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HOẶC QUỸ TÀI CHÍNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Quy định về quản lý vốn và tài sản của Quỹ bảo lãnh tín dụng

1.1. Vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng hình thành từ các nguồn sau:

a) Vốn điều lệ: Là tổng số vốn do các tổ chức, cá nhân góp và được ghi vào điều lệ Quỹ bảo lãnh tín dụng. Vốn điều lệ Quỹ bảo lãnh tín dụng được hình thành từ:

- Vốn cấp của Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Vốn góp của các tổ chức tín dụng.
- Vốn góp của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Vốn góp của các hiệp hội ngành nghề,

các tổ chức đại diện và hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (bao gồm cả vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) cho mục tiêu phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã, các chương trình phát triển nông, lâm, ngư nghiệp.

c) Vốn tự bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

1.2. Vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo an toàn và cho các mục tiêu sau:

- Cấp bảo lãnh tín dụng cho các khách hàng theo quy định.

- Đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 7% vốn điều lệ của Quỹ. Toàn bộ công tác đầu tư, mua sắm tài sản cố định của Quỹ bảo lãnh tín dụng phải được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư, xây dựng. Hàng năm Quỹ bảo lãnh tín dụng phải xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định trình Hội đồng quản lý xem xét phê duyệt và thực hiện công tác đầu tư, mua sắm trong phạm vi kế hoạch được duyệt.

- Gửi tại Kho bạc nhà nước và các tổ chức tín dụng trong nước đóng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Mua trái phiếu Chính phủ.

- Thực hiện nghĩa vụ cam kết bảo lãnh của Quỹ đối với tổ chức tín dụng khi khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho tổ chức tín dụng.

1.3. Quỹ dự phòng nghiệp vụ.

- Quỹ dự phòng nghiệp vụ được trích lập từ chi phí bằng 50% số phí bảo lãnh tín dụng thu được từ khách hàng. Quỹ dự phòng nghiệp vụ dùng để:

+ Cho vay bắt buộc đối với khách hàng theo phần trách nhiệm cam kết bảo lãnh của Quỹ trong trường hợp khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn cho tổ chức tín dụng. Số nợ cho vay bắt buộc mà Quỹ bảo lãnh tín dụng thu hồi được sẽ được bồi hoàn vào quỹ dự phòng nghiệp vụ.

+ Bù đắp những khoản nợ đã cho khách hàng vay bắt buộc nhưng không thu hồi được nợ. Việc xử lý tài chính đối với những khoản cho vay bắt buộc nhưng không thu được Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

- Trường hợp Quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để cho vay bắt buộc đối với khách hàng và bù đắp những khoản nợ đã cho vay bắt buộc nhưng không thu hồi được nợ thì Quỹ bảo lãnh tín dụng được sử dụng vốn hoạt động của mình để thực hiện nghĩa vụ cam kết bảo lãnh thay cho khách hàng.

1.4. Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện việc mở sổ kế toán, theo dõi toàn bộ vốn và tài sản hiện có; xử lý các trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản; nhượng bán, thanh lý tài sản; kiểm kê, đánh giá tài sản theo quy định của pháp luật đối doanh nghiệp nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Thu nhập của Quỹ bảo lãnh tín dụng

Thu nhập của Quỹ bảo lãnh tín dụng là các khoản thực thu trong năm, bao gồm:

- Thu phí bảo lãnh tín dụng.
- Thu phí thẩm định hồ sơ xin cấp bảo lãnh tín dụng.
- Thu lãi tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các Tổ chức tín dụng trong nước.
- Thu lãi đầu tư trái phiếu Chính phủ.
- Thu lãi nợ cho vay quá hạn (cho vay bắt buộc) đối với khách hàng.
- Thu khác, bao gồm cả thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

Các khoản thu của Quỹ bảo lãnh tín dụng được hạch toán đầy đủ vào thu nhập và phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

3. Chi phí của Quỹ bảo lãnh tín dụng:
Là các khoản thực chi cần thiết cho hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Mức chi, đối tượng chi được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật chưa có

quy định, Quỹ bảo lãnh tín dụng căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Các khoản chi phí phải nằm trong kế hoạch tài chính năm đã được Hội đồng quản lý phê duyệt, bao gồm:

3.1. Chi phí cho hoạt động bảo lãnh tín dụng.

- Chi trả phí dịch vụ cho đơn vị nhận ủy thác bảo lãnh tín dụng theo hợp đồng dịch vụ ủy thác giữa hai bên.

- Chi trích lập quỹ dự phòng nghiệp vụ.

- Các khoản chi khác phát sinh trong quá trình cấp bảo lãnh tín dụng cho khách hàng.

3.2. Chi cho người lao động gồm:

- Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản chi mang tính chất tiền lương, tiền công cho cán bộ, nhân viên.

- Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát làm việc bán chuyên trách.

- Các khoản chi ăn ca, chi lao động nữ, chi bảo hộ lao động, chi trang phục giao dịch, chi trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định hiện hành.

- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

3.3. Chi cho hoạt động quản lý công vụ:

- Chi mua vật tư văn phòng: vật liệu, giấy tờ in, văn phòng phẩm.

- Chi về cước phí bưu điện và truyền tin.

- Chi về điện nước, vệ sinh cơ quan, bảo vệ môi trường, y tế cơ quan.

- Chi về xăng dầu phục vụ cho công việc của cơ quan.

- Chi về công tác phí cho cán bộ đi công tác trong và ngoài nước theo chế độ quy định.

- Chi lễ tân, giao dịch đối ngoại, khánh tiết, hội nghị, tuyên truyền, quảng cáo.

- Chi đào tạo tập huấn và nghiên cứu khoa học.

- Các khoản chi phí quản lý khác.

3.4. Chi về tài sản.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định được áp dụng theo quy định của Nhà nước với doanh nghiệp.

- Chi mua bảo hiểm tài sản, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê tài sản, mua sắm công cụ lao động.

- Chi về nhượng bán, thanh lý tài sản (bao gồm cả phần giá trị còn lại của các tài sản thanh lý, nhượng bán).

3.5. Chi về nộp thuế, phí, lệ phí.

3.6. Các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ khác theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

4. Chênh lệch thu chi: Chênh lệch thu

chi thực hiện trong năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng được xác định là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí hợp lý, hợp lệ sau khi nộp thuế được xử lý như sau:

4.1. Trường hợp thu nhập lớn hơn chi phí.

- Trích lập 15% để lập quỹ dự trữ bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ bảo lãnh tín dụng.

- Trích 10% để hình thành quỹ dự phòng tài chính. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng nghiệp vụ.

- Trích 30% để hình thành quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động và đổi mới trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

- Trích lập 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi tối đa bằng 3 tháng lương thực hiện trong năm.

Quỹ khen thưởng dùng để khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho các cán bộ, công nhân viên làm việc trong Quỹ bảo lãnh tín dụng; thưởng cho các cá nhân và tổ chức ngoài Quỹ bảo lãnh tín dụng có quan hệ kinh tế với Quỹ bảo lãnh tín

dụng đã hoàn thành tốt những điều kiện hợp đồng đóng góp có hiệu quả vào hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Quỹ phúc lợi dùng để đầu tư xây dựng, hoặc sửa chữa, bảo dưỡng các công trình phúc lợi của Quỹ bảo lãnh tín dụng. Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ nhân viên Quỹ bảo lãnh tín dụng. Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ nhân viên của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

- Số còn lại được dùng để chia lãi cho các tổ chức tham gia góp vốn thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng.

4.2. Trường hợp thu nhập nhỏ hơn chi phí. Quỹ bảo lãnh tín dụng được chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí không quá 5 năm. Sau 5 năm nếu không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, Quỹ bảo lãnh tín dụng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định việc giảm vốn hoạt động, tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng.

5. Nghĩa vụ thuế của Quỹ bảo lãnh tín dụng

Hoạt động bảo lãnh tín dụng của Quỹ bảo lãnh tín dụng thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế, phí, lệ phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

6. Chế độ kế toán đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng

Việc hạch toán và theo dõi các khoản bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng được thực hiện theo hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

II. ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP KHÔNG THÀNH LẬP QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN ĐỘC LẬP, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ GIAO NHIỆM VỤ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO QUỸ TÀI CHÍNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

- Quỹ tài chính địa phương có trách nhiệm hạch toán và theo dõi riêng toàn bộ vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng. Vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và cho các mục tiêu sau:

+ Cấp bảo lãnh tín dụng cho các khách hàng theo quy định.

+ Sử dụng tối đa 7% vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng để bổ sung vốn đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ tài chính của địa phương.

+ Gửi tại Kho bạc nhà nước và các tổ chức tín dụng trong nước đóng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Mua trái phiếu Chính phủ.

+ Thực hiện nghĩa vụ cam kết bảo lãnh của Quỹ đối với tổ chức tín dụng khi khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho tổ chức tín dụng.

- Toàn bộ thu nhập, chi phí hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng được hạch toán chung vào thu nhập, chi phí của Quỹ tài chính địa phương để xác định kết quả chênh lệch thu chi của Quỹ tài chính địa phương. Quỹ tài chính địa phương có trách nhiệm hạch toán chi phí để hình thành các quỹ sau:

+ Trích lập 50% số phí bảo lãnh tín dụng thực thu được để hình thành Quỹ dự phòng nghiệp vụ. Quỹ dự phòng nghiệp vụ được sử dụng theo quy định tại điểm 1.3 Mục I nêu trên.

+ Trích lập 15% số phí bảo lãnh tín dụng thực thu được để hình thành Quỹ dự trữ bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ bảo lãnh tín dụng.

- Hoạt động bảo lãnh tín dụng của Quỹ bảo lãnh tín dụng thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Quỹ tài chính địa phương có trách nhiệm kê khai, nộp các loại thuế, phí, lệ phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định hiện hành của pháp luật.

*Chương III***CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO VÀ KIỂM TRA****1. Đối với khách hàng**

Khách hàng có trách nhiệm báo cáo cơ quan điều hành tác nghiệp Quỹ bảo lãnh tín dụng và chịu sự kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan điều hành tác nghiệp Quỹ bảo lãnh tín dụng, Quỹ bảo lãnh tín dụng về tình hình hoạt động có liên quan đến giao dịch được bảo lãnh. Nội dung báo cáo, chế độ kiểm tra của Quỹ bảo lãnh tín dụng do các bên thỏa thuận và được ghi trong Hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

2. Đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng

- Việc báo cáo về tình hình hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn vào Quỹ được thực hiện theo quy định tại điều lệ Quỹ.

- Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm tổng hợp tình hình hoạt động bảo lãnh tín dụng, tình hình hoạt động chung để lập và gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Tài chính theo định kỳ hàng quý và năm các báo cáo sau:

+ Bảng cân đối tài khoản cấp III, báo cáo kết quả thu chi tài chính. Mẫu biểu báo cáo được lập theo quy định của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

+ Tình hình cấp bảo lãnh tín dụng cho khách hàng, tình hình dư nợ cho vay bắt buộc và khả năng thu hồi theo mẫu biểu đính kèm.

- Quỹ tài chính địa phương được giao nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính theo quy định đối với Quỹ tài chính địa phương. Ngoài các báo cáo trên Quỹ tài chính địa phương có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Tài chính theo quý, năm về nguồn vốn của Quỹ bảo lãnh tín dụng, tình hình cấp bảo lãnh tín dụng cho khách hàng, tình hình dư nợ cho vay bắt buộc và khả năng thu hồi nợ và các báo cáo khác khi có yêu cầu.

- Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo quý được gửi chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Báo cáo năm được gửi chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

- Quỹ bảo lãnh tín dụng chịu sự kiểm tra, thanh tra của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Đối với đơn vị nhận ủy thác.

Đơn vị nhận ủy thác có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất cho Quỹ bảo lãnh tín dụng về tình hình điều hành tác nghiệp hoạt động Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại điểm 4 Chương I Thông tư này.

*Chương IV***TRANH CHẤP - TỔ TỤNG -
GIẢI THỂ - THANH LÝ**

1. Mọi tranh chấp và tố tụng giữa Quỹ bảo lãnh tín dụng với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng được xử lý theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các quy định hiện hành của pháp luật đối với doanh nghiệp.

*Chương V***TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm thi hành đúng quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng ban hành theo Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg, Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

Định kỳ hàng quý và đột xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính về kết quả và tình hình hoạt động Quỹ bảo lãnh tín dụng tại địa phương, kiến nghị những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động Quỹ.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể theo quy định tại Quyết định số 193/QĐ-TTg, Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Tài chính sẽ kiểm tra, giám sát việc thành lập, tổ chức, hoạt động, chấp hành các quy định pháp luật của Nhà nước của các Quỹ bảo lãnh tín dụng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 42/2002/TT-BTC ngày 07/5/2002 của Bộ Tài chính. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thư trưởng

Lê Thị Băng Tâm

Quỹ Bảo lãnh tín dụng.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO KHÁCH HÀNG
VÀ TÌNH HÌNH CHO VAY BẮT BUỘC ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG
(Quý..... năm.....)**

Đơn vị tính: *Triệu đồng*

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
			PS Nợ	PS Có	
1	Vốn hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng - Vốn điều lệ - Vốn khác (nếu có)				
2	Tình hình cấp bảo lãnh tín dụng Trong đó - Cấp bảo lãnh cho doanh nghiệp - Cấp bảo lãnh cho các Hợp tác xã - Cấp bảo lãnh cho Hộ gia đình - Cấp bảo lãnh cho chủ trang trại, hộ nông dân, ngư dân - Cấp bảo lãnh cho đối tượng khác				
3	Tình hình cho vay bắt buộc - Cho vay doanh nghiệp - Cho vay các Hợp tác xã - Cho vay Hộ gia đình - Cho vay chủ trang trại, hộ nông dân, ngư dân - Cho vay đối tượng khác				

09638800

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

....., ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)